

ĐI TÌM MỘT MẢNH KHUYẾT SỬ
qua
KHÂM ĐỊNH AN NAM KỶ LƯỢC
欽定安南紀略
PHẦN BA
Nguyễn Duy Chính

Documents describing past symbolic actions are not innocent, transparent texts; they were written by authors with various intentions and strategies, and historians of culture must devise their own strategies for reading them.

Tài liệu miêu tả các hoạt động biểu tượng trong quá khứ không phải là những dòng chữ vô tư, trong sáng. Những tài liệu đó được viết bởi các tác giả với nhiều chủ định và chiến lược khác nhau, và các sử gia văn hoá phải tự tạo ra phương thức riêng của mình để đọc nó.

Lynn Hunt, ed., *The New Cultural History* (Berkeley: University of California Press, 1989) tr. 14

I. MỞ ĐẦU

Một điều có vẻ hơi lạ lùng là không hiểu vì sao nhiều bộ sử khá lớn của Hoa lục ẩn hành cách đây vài mươi năm dường như bỏ quên một biến cố quan trọng. Đó là cuộc chiến Việt – Thanh đầu năm Kỷ Dậu và bang giao giữa hai triều đình qua một số sự kiện khá nổi bật, việc Nguyễn Quang Hiến sang nhận sắc ấn của vua Càn Long phong cho Nguyễn Huệ (nay là Nguyễn Quang Bình) làm An Nam quốc vương rồi vài tháng sau chính vua Quang Trung lại cầm đầu một phái đoàn sang dự lễ bát tuần khánh thọ.

Chuyến đi của Nguyễn Quang Bình được miêu tả trong sử nước ta như một trá ngụy, đưa một ông vua giả sang để đánh lừa người Tàu và gần đây, sau khi tham khảo tài liệu của Việt Nam, một vài sử gia Trung Hoa cũng nhắc lại chỉ là một giả vương. Ngược lại, trong những tác phẩm khác, các nhà nghiên cứu nghiêm túc hơn đều không mấy khi đề cập đến những chi tiết có tính cách ngoại sử, những điều được truyền theo tin đồn, mà dường như triều đại nào cũng không thiếu. Không nói đâu xa, triều Nguyễn ở nước ta tuy cáo chung chưa lâu nhưng nhiều chi tiết đã sử vẫn chưa được bạch hoá và nhiều chuyện khó tin vẫn được ghi lại cho thêm ly kỳ, nhất là một sự kiện có liên quan đến hoàng gia, những vụ án sau bức tường cung cấm.

Trở lại câu hỏi vừa nêu, chỉ đến gần đây chúng ta mới thấy một số nhà nghiên cứu tìm lại trong văn khố những tài liệu liên quan đến trận đánh Việt – Thanh, không phải vì họ muốn công nhận những sai lầm cũ nên viết lại sử Trung Hoa cho đầy đủ nhưng để tìm hiểu và phân tích chính sách và chiến lược bành trướng trong đời Càn Long mà cuộc chiến Việt – Thanh là một phần trong đó.

Khi nhắc đến chiến thắng Kỷ Dậu như một võ công lấy lừng của nước Nam, chúng ta thường có khuynh hướng huyền thoại hoá thành một kỳ tích độc nhất vô nhị trên thế giới. Chúng ta lại cũng bỏ quên những sự việc trước và sau biến cố này, tưởng như cả một thời kỳ lịch sử chỉ thu gọn trong một thời gian dăm bảy bữa. Lịch sử được miêu tả như một thiên anh hùng ca, hay nói khác hơn, một bộ tiểu thuyết. Điều đó cũng dễ hiểu vì người mình vốn đổ kị với người Tàu, trong nhiều ngàn năm chúng ta luôn luôn phải đề phòng những cuộc xâm lăng từ phương Bắc nên nói đến chống ngoại xâm thì hầu hết đều nghĩ ngay đến ý chí quật cường đối kháng lại Trung Hoa. Thế nhưng chúng ta cũng bị ảnh hưởng của họ khá nhiều, nếu không nói rằng hầu như mọi mặt thượng tầng từ văn tự đến tổ chức hành chánh, ngôn ngữ, kinh tế, xã hội ... đều sử dụng phương Bắc như một khuôn mẫu để bắt chước.

Như đã đề cập trong bài trước, những chiến công mà vua Càn Long tỏ ra đắc ý đều được ghi lại và phổ biến để tuyên dương oai đức cho dân chúng với tham vọng là bài học cho đời sau. Bên cạnh những lễ lạc đầy vẻ phô diễn đánh dấu thắng lợi như khao lao, hiến phù ... nhà vua còn cho vẽ những chiến đồ và soạn thảo những bộ phương lược, kỷ lược tập hợp các thư từ qua lại giữa triều đình và tướng lĩnh với mục đích là đề cao tài dùng binh và hoạch định kế sách của hoàng đế.

Lẽ dĩ nhiên không phải chiến dịch nào cũng toàn thắng vẻ vang như miêu tả của các sử thần. Để lượng định các chiến thắng đó chúng ta phải tìm hiểu nhiều yếu tố mới, tiêu cực cũng như tích cực. Riêng cuộc chiến Việt – Thanh, bên cạnh những tài liệu đã ghi chép trong chính sử nhà Thanh (Cao Tông Thực Lục, Thanh Sử Cảo...) mà việc sử dụng bao giờ cũng cần được cân nhắc một cách kỹ lưỡng như bất cứ bộ sử triều đại nào, chúng ta lại có thêm một số tài liệu mà thời gian tính tương đối gần sát hơn với cuộc chiến nên ít nhiều còn nguyên vẹn những điều mà về sau mới cần che dấu vì những lý do chính trị. Những chi tiết lịch sử đó cũng thể hiện quan điểm và chính sách của triều đình Trung Hoa, chưa được nắn lại theo ý muốn của đời sau. Và quan trọng hơn nữa, những bản chính của các văn kiện đó nếu muốn, chúng ta có nhiều cơ hội tìm thấy trong kho văn liệu của Trung Hoa để so sánh và kiểm chứng.

Hai nguồn sử liệu mà chúng tôi nhắc đến là bộ chiến đồ được thực hiện sau khi Thanh triều và Đại Việt nối lại bang giao và tập hợp Khâm Định An Nam Kỷ Lược là bộ sách hoàn tất khi vua Quang Trung qua Bắc Kinh trở về nước. Tuy không thể tách những tài liệu này ra khỏi mục tiêu chính yếu của nó là tuyên truyền, là phô trương nhưng không phải vì thế mà chúng ta không khai thác được nhiều chi tiết soi sáng lại một thời kỳ mà vì bất hạnh của lịch sử đã trở nên mờ mịt.

II. TỔNG QUÁT

Khâm Định An Nam Kỷ Lược là bộ sách của triều Thanh tổng hợp tất cả những thư từ, chiếu biểu của vua Càn Long và bộ tham mưu trong Quân Cơ Xứ liên lạc với các nơi để chỉ huy việc đem quân sang đánh nước ta từ giữa năm 1788 (Mậu Thân) cho đến cuối năm 1790 (Canh Tuất) sau khi phái bộ do vua Quang Trung cầm đầu sang dự lễ Bát Tuần Vạn Thọ và làm lễ báo kiến thỉnh an cùng vua Càn Long.

Bản in chúng tôi sử dụng có đề Cố Cung Trân Bản Tùng San (故宮珍本叢刊) là bản hiếm quý để trong thư viện của vua Gia Khánh (1796-1820), đóng dấu Ngự Thư Phòng Bảo (御書房寶), được in lại theo lối chụp bản do Cố Cung Bác Vật Viện biên tuyển và nhà xuất bản Hải Nam ấn hành lần thứ nhất vào tháng 6 năm 2000.

Bộ sách này bao gồm ba mươi quyển và một quyển thủ tổng cộng 31 quyển, tất cả 856 tờ in theo lối mộc bản, trung bình mỗi quyển khoảng 30 tờ, mỗi tờ gồm hai trang gấp đôi, mỗi trang gồm 7 hàng chữ, mỗi hàng nếu đầy đủ có thể đến 20 chữ nhưng hầu hết chỉ có 18 chữ, hai khoảng đầu để dài những chữ thuộc về trời, về vua là cách thức kính trọng đời xưa. Mỗi tờ có đóng khung đôi (tứ chu song biên - 四周雙邊) là cách thức thông dụng đời Thanh còn mỗi hàng có vạch phân chia (hàng cách - 行格). Mỗi trang như vậy khoảng 100 chữ, mỗi tờ khoảng 200 chữ, tổng cộng tất cả 30 quyển gồm 828 tờ, tính ra khoảng trên dưới 160,000 chữ.¹

¹ Quyển thủ (28 tờ) gồm những thơ văn của vua Càn Long vịnh về các trận đánh trên đường đi từ Nam Quan đến Thăng Long và khi Nguyễn Quang Hiển sang nhận sắc phong, ấn tín từ nhà Thanh. Phần lớn

Khâm Định An Nam Kỷ Lược tập hợp văn thư của Thanh triều trong khoảng gần ba năm (tháng 5 năm Mậu Thân 1788 tức Càn Long 53 – tháng 3 năm Tân Hợi (1791) tức Càn Long 56), khởi đầu từ chiến dịch mượn tiếng “*hưng diệt kế tuyệt*” để đem quân giúp Lê Duy Kỳ, sang tiến trình đàm phán cầu phong và sau cùng là phái đoàn của vua Quang Trung sang dự lễ bát tuần thượng thọ của vua Càn Long. Trong ba giai đoạn đó, mỗi thời kỳ chính sách của Thanh triều đối với nước ta lại chuyển biến rõ rệt nên tương quan ngoại giao cũng thay đổi theo.

Những chi tiết trong bộ Khâm Định An Nam Kỷ Lược tuy chỉ là một số thư từ qua lại nhưng khi tìm hiểu lồng trong toàn thể chính sách, điển lệ và tổ chức hành chánh, quân sự của Trung Hoa chúng ta có thể hiểu được nhiều hơn những chi tiết được đề cập. Quan trọng hơn nữa, nếu đối chiếu với một số văn thư của triều đình Tây Sơn còn giữ được, chúng ta có thể tái tạo một thời kỳ vô cùng đặc biệt trong lịch sử nước Nam.

A. GIÁ TRỊ CỦA KHÂM ĐỊNH AN NAM KỶ LƯỢC

Khâm Định An Nam Kỷ Lược là tài liệu của Thanh triều được biên tập và ấn hành ở một thời điểm nhất định không phải là tài liệu duy nhất chúng ta hoàn toàn dựa vào đó để thay thế chính sử Việt Nam mà cần phải đối chiếu với những tài liệu có giá trị tương đương về văn bản để tìm ra một đáp số. Về văn bản, bộ Khâm Định An Nam Kỷ Lược có hai ưu điểm:

- Đây là một tập hợp của các văn thư qua lại giữa Quân Cơ Xứ tại Bắc Kinh và các quan địa phương cùng một số chiếu biểu giữa vua Càn Long và Nguyễn Huệ. Nếu có điều kiện thì các sử gia có thể tìm thấy bản gốc hiện còn tàng trữ trong văn khố Trung Hoa để đối chiếu và so sánh.
- Bộ sách này được ấn hành năm Tân Hợi (1791), chỉ mấy tháng sau khi vua Càn Long nhận được biểu tạ ơn của vua Quang Trung chứng tỏ Thanh triều rất đặc ý về thành tựu ngoại giao của họ và việc một phiên vương sang Bắc Kinh dự lễ bát tuần khánh thọ là một thắng lợi vô tiền khoáng hậu cần được tuyên dương càng sớm càng tốt.

Để khai thác bộ Khâm Định An Nam Kỷ Lược, chúng tôi tập trung vào ba công tác sau đây:

- I. Tổng hợp các chi tiết trong sử Việt Nam và sử Trung Hoa để miêu tả toàn bộ tương quan Thanh – Việt đời Tây Sơn trong đó đối đầu quân sự chỉ là

những văn thơ này có ghi lại trên 6 bức đồng bản họa mà chúng tôi đã giới thiệu trong bài “Bình Định An Nam Chiến Đồ”.

Phần chính văn của bộ Khâm Định An Nam Kỷ Lược bao gồm 30 quyển, quyển 1 (27 tờ), quyển 2 (35 tờ), quyển 3 (29 tờ), quyển 4 (30 tờ), quyển 5 (26 tờ), quyển 6 (31 tờ), quyển 7 (27 tờ), quyển 8 (29 tờ), quyển 9 (25 tờ), quyển 10 (27 tờ), quyển 11 (34 tờ), quyển 12 (29 tờ), quyển 13 (29 tờ), quyển 14 (27 tờ), quyển 15 (24 tờ), quyển 16 (28 tờ), quyển 17 (29 tờ), quyển 18 (26 tờ), quyển 19 (34 tờ), quyển 20 (21 tờ), quyển 21 (24 tờ), quyển 22 (23 tờ), quyển 23 (23 tờ), quyển 24 (27 tờ), quyển 25 (22 tờ), quyển 26 (26 tờ), quyển 27 (31 tờ), quyển 28 (23 tờ), quyển 29 (32 tờ), quyển 30 (25 tờ).

xung đột đầu tiên bắc cầu cho những liên hệ chặt chẽ hơn. Sau chiến tranh, việc cầu phong và nghi lễ ngoại giao cũng là những đề tài lớn cần khai triển giúp chúng ta có một nhãn quan minh bạch hơn về giai đoạn này.

- II. So sánh và đối chiếu những chi tiết không phù hợp giữa sử Trung Hoa và Việt Nam, đánh giá lại một số biến cố trước đây bị hạn chế vì thiếu tài liệu. Trong quá khứ, khi chép về thời kỳ này, lịch sử nước ta và lịch sử Trung Hoa hầu như hoàn toàn khác biệt trong cả nội dung lẫn hình thức. Nghiên cứu tương quan Hoa – Việt trong một bối cảnh rộng rãi hơn giúp chúng ta điều chỉnh lại những ngộ nhận và bổ túc những mất xích đứt của hai bên.
- III. Phiên dịch và chú giải toàn bộ Khâm Định An Nam Kỷ Lược để làm tài liệu nghiên cứu.

Khâm Định An Nam Kỷ Lược cũng chứa đựng một số quốc thư của nước ta gồm những tờ biểu quan trọng nhất của Lê Duy Kỳ, Nguyễn Quang Bình gửi vua Càn Long. Những văn thư ngoại giao với lời văn hoa mỹ không hoàn toàn miêu tả đúng sự thật nhưng cũng có nhiều chi tiết giúp chúng ta làm sáng tỏ một vài nghi vấn.

Trong văn khố nước ta hiện nay còn bản sao của một số lượng thư từ chiếu biểu khá lớn trong bang giao đời Tây Sơn với Thanh đình, trước nay vì không có một thời biểu chính xác nên không biết liên quan như thế nào với diễn tiến đàm phán. Những tài liệu đó tuy đã được dịch và ấn hành trong nhiều đợt khác nhau nhưng hầu như ít ai chú ý và tham chiếu. Ngày nay, khi tập trung cả hai nguồn tài liệu Trung Hoa và Việt Nam, ít nhất chúng ta cũng có thể thực hiện một Biểu Nhất Lãm từng ngày từng giờ để dựng lại một giai đoạn lịch sử.

B. SƠ LƯỢC NỘI DUNG

Khi nghe tin gia quyến của Lê Duy Kỳ sang cầu cứu, Tôn Sĩ Nghị, tổng đốc Lương Quảng, đề nghị lên vua Càn Long một biện pháp quân sự để tái lập vương triều cho vua Lê. Để thực hiện công tác này, nhà Thanh điều động hai đạo quân: đạo quân Lương Quảng do đề đốc Hứa Thế Hanh chỉ huy, đạo quân Vân Quý do đề đốc Ô Đại Kinh chỉ huy. Ngoài quân chiến đấu, hệ thống dân công tiếp vận binh lương và phục vụ, các đài trạm (trạm lương thảo), dịch trạm (trạm truyền tin) từ các tỉnh nam Trung Hoa đến Nam Quan (và sau đó nối dài tới Thăng Long) cũng được tổ chức chu đáo. Những công tác này không chỉ giới hạn vào các tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Quảng Đông, Quảng Tây mà có sự yểm trợ của nhiều tỉnh khác và các bộ tại kinh đô Bắc Kinh.

Toàn thể chiến dịch được đặt dưới quyền điều động và tổng chỉ huy của tổng đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị, một danh nho người Hán có khá nhiều kinh nghiệm trận mạc và đã từng nổi bật trong công tác tiếp vận ở nhiều chiến dịch khác.

Sau khi nghiên cứu tìm hiểu tình hình miền Bắc và thăm dò thực lực đối phương qua lời khai của các vong thần nhà Lê, nhà Thanh quyết định can thiệp vào nội bộ nước ta.

Một trong những lý do cụ thể nhất mà Tôn Sĩ Nghị đưa ra để thuyết phục vua Cao Tông là ông tin tưởng rằng một khi chiếm lại được kinh đô Thăng Long (mà họ gọi là Lê thành tức kinh thành nhà Lê) thì các lực lượng địa phương sẽ nổi lên tiếp tay với họ khiến quân Tây Sơn phải trải mỏng đưa tới sự tan rã hàng loạt. Nhận định đó tuy chủ quan nhưng không phải là không hợp lý vì trước đây nước ta chia thành Nam và Bắc Hà, việc Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc vẫn bị dân Đàng Ngoài coi như quân ngoại nhập. Tình hình miền bắc lúc đó lại đang trong tình trạng sứ quân, mỗi nơi một thổ hào, một thế lực không hoàn toàn phục tùng trung ương. Ý đồ lạc quan đó đưa tới việc Tôn Sĩ Nghị dự liệu cả việc bắt sống Nguyễn Huệ hay mở đường cho ông về hàng theo đường Vân Nam.

Những tính toán của Tôn Sĩ Nghị trong giai đoạn đầu thể hiện đúng như dự tính. Các đạo quân Tây Sơn phòng thủ dọc từ biên giới xuống Thăng Long bị đánh bại nhanh chóng nên chỉ trong vòng chưa đầy một tháng, quân Thanh đã lấy lại kinh đô. Ngay sau khi vua Lê xuất hiện, Tôn Sĩ Nghị liền tổ chức đại lễ phong vương trao sắc ấn (đã mang sẵn) để chính thức hoá việc tái lập vương triều đồng thời chuyển bớt trách nhiệm cai trị hầu tạo niềm tin cho vua tôi Lê Chiêu Thống.



Càn Long thông bảo

(một mặt có hai chữ An Nam)

loại tiền quân Thanh sử dụng trong chiến dịch sang đánh nước ta
(sưu tầm của tác giả)

Tôn Sĩ Nghị cũng yêu cầu vua Lê điều động dân phu và tài vật để cung ứng cho quân Thanh và khởi công đóng chiến thuyền chuẩn bị việc tiến quân vào Thuận Hoá. Trong khi đó, vua Càn Long ra lệnh cho tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh là người đảm trách hậu cần tính toán binh lương, dân phu để dùng trong kế hoạch Nam chinh.

Đến lúc này, đoàn quân viễn chinh mới bắt đầu gặp phải khó khăn khiến cho nhà Thanh phải lượng định lại toàn bộ vấn đề:

- Thứ nhất, vua Lê không có khả năng tài chánh và uy quyền như nhà Thanh vẫn tưởng. Trước đây, các vong thần nhà Lê luôn luôn khẳng định rằng một khi tái lập triều đình, các địa phương sẽ nhất tề hưởng ứng việc cần vương tạo thành mũi nhọn tấn công, quân Thanh chỉ làm công việc yểm trợ. Thực tế, nhà Lê chỉ

là bù nhìn, mọi sự do chúa Trịnh đảm trách nên dù có phong Lê Duy Kỳ làm An Nam quốc vương thì vua Lê vẫn lâm vào thế “*hữu danh vô thực*”, quốc khố trống rỗng mà quân đội thì gần như không có. Tuy các địa phương còn nhiều sứ quân nhưng họ đều nằm yên chờ thời, không ngả theo quân Thanh mà cũng không chịu để Lê Duy Kỳ điều động. Tôn Sĩ Nghị đã phải đem những toán thổ dân từ các vùng biên giới phía Bắc đặt dưới quyền sử dụng của vua Lê để cho thêm thanh thế. Trong tình hình đó, chính quân Thanh phải chia xẻ gánh nặng và phần nào nuôi ăn quân nhà Lê thay vì dùng phương tiện địa phương để duy trì quân ngoại nhập như dự tính.

- Thứ hai, việc thiết lập hơn 50 đài trạm từ Thăng Long xuống Thuận Hoá cũng không phải dễ. Đường sá hiểm trở đã đành mà thời tiết mùa đông ở Bắc Hà cũng vô cùng khắc nghiệt. Địa lý nước ta và vùng tây nam Trung Hoa không thích hợp cho việc dùng các phương tiện qui mô như xe cộ, ngựa, bò để chuyên chở lương thực và súng ống mà chỉ dựa vào sức người để mang vác. Để đảm bảo an toàn không bị phá hoại, quan nhà Thanh phải tìm cách tuyển mộ dân phu từ “*nội địa*” sang nước ta làm công tác vận chuyển. Miền nam Trung Hoa đất rộng người thưa, kiếm một lúc hàng chục vạn dân phu không dễ dàng chưa kể việc đài thọ một số lượng nhân công to lớn gấp mấy lần quân chiến đấu như thế rất hao tổn cho Thanh triều.
- Vì đoàn quân hướng đông tiến quá nhanh nên cánh quân Vân – Quý không theo kịp, Tôn Sĩ Nghị bắt buộc phải đóng quân đợi một thời gian để chờ Ô Đại Kinh xuống tiếp thu và củng cố trận địa trước khi tiếp tục chuyển quân về hướng Nam. Hơn thế nữa, khi Tôn Sĩ Nghị đến Thăng Long lại vào dịp Tết Nguyên Đán nên cũng cần dừng quân một thời gian để đến ra xuân sẽ tiếp tục kế hoạch.

Trong tình hình khó khăn mới, vua Càn Long toan tính thay đổi kế hoạch, ra lệnh cho Tôn Sĩ Nghị cố gắng ổn định tình hình càng sớm càng tốt để có thể triệt binh. Tuy nhiên, Tôn Sĩ Nghị vẫn mơ ước sẽ đạt được một chiến công hiển hách là nếu không bắt sống được Nguyễn Huệ giải về kinh thì ít ra cũng khôi phục toàn bộ lãnh thổ cũ cho nhà Lê để rồi tiến hành cải tổ qui lưu từng bước một. Vua Lê Chiêu Thống cũng đề nghị sau chiến dịch này sẽ sai hoàng đệ Lê Duy Chỉ sang Bắc Kinh triều kiến và tạ ơn vua Thanh để chờ sang năm đích thân qua tham dự lễ bát tuần thượng thọ.

Trong khi quân Thanh đang đắc ý với những thắng lợi của họ, đại quân của vua Quang Trung từ Phú Xuân tiến ra Nghệ An. Nguyễn Huệ cũng nhiều lần đưa thư đề nghị những giải pháp hữu nghị, kể cả việc thương thảo để Đại Việt trở lại tình trạng phiên thuộc và triều cống như cũ nhưng đều bị Tôn Sĩ Nghị thẳng tay bác bỏ.

Ngay trong ngày tết Nguyên Đán năm Kỷ Dậu (1789), Tôn Sĩ Nghị nghe tin Nguyễn Huệ kéo quân ra nên vội vàng sai Hứa Thế Hanh, Thượng Duy Thăng, Trương Triều Long ... chia ra đóng các nơi trấn giữ còn bản thân Tôn Sĩ Nghị bảo vệ thành Thăng

Long. Sau mấy ngày cầm cự, tất cả các toán quân tiền phong của nhà Thanh liên tiếp thất thủ, Tôn Sĩ Nghị thấy thế nguy vội vàng vượt sông Phú Lương chạy về Quảng Tây, bỏ mặc cho các tướng chiến đấu. Các đài trạm dọc từ Thăng Long lên Lạng Sơn cũng bị đồng loạt tấn công và bị đốt phá mất sạch. Trong những ngày sau đó, tàn quân các nơi lẻ tẻ trốn về những những tướng lãnh quan trọng nhất đều tử trận. Riêng cánh quân Vân Quý do Ô Đại Kinh thống lĩnh vì không đụng độ trực tiếp nên bình an rút về Vân Nam.

Khi thấy đại binh của Tôn Sĩ Nghị hoàn toàn tan vỡ, Lê Chiêu Thống đem gia đình và một số bồi thân lật đật chạy lên Lạng Sơn, qua ải Nam Quan vào đất Trung Hoa xin tị nạn.

Nghe tin thất trận, vua Càn Long lập tức điều ngay Phúc Khang An, vị chỉ huy quân sự lừng lẫy nhất của nhà Thanh thời đó, đang là tổng đốc Mân Triết sang thay Tôn Sĩ Nghị, chuẩn bị đốc toàn lực 6 tỉnh miền Nam, chia quân làm 4 đạo sang đánh nước ta. Bốn đạo quân bao gồm Vân-Quý, Việt Đông (Quảng Đông), Việt Tây (Quảng Tây) và Phúc Kiến. Hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây đánh xuống Thăng Long, đạo quân Vân Quý hợp lực với Xiêm La theo đường Lào đánh từ tây sang Nghệ An, còn thủy binh Mân Triết, Đài Loan theo đường biển đánh vào Thuận Hoá.

Sau khi nhậm chức, một mặt Phúc Khang An kiểm điểm hậu quả chiến dịch, mặt khác phân tích những bất lợi để vua Càn Long nắm vững tình hình thực tế. Trong khi đó, Nguyễn Huệ cũng xúc tiến việc giảng hoà, cử nhiều phái đoàn lên Nam Quan nhắc lại các lý lẽ trước đây đưa ra để xin bãi binh nhưng đã bị Tôn Sĩ Nghị bác bỏ. Sau một số khó khăn ban đầu, triều đình nhà Thanh đành chấp nhận một giải pháp hoà hoãn nhưng kèm một số điều kiện cho phía nước Nam (trao trả tù binh, truy tầm những người giết các tướng nhà Thanh, lập miếu thờ quan quân tử trận ...) Những đề nghị đó hầu hết được Nguyễn Huệ chấp thuận để đánh đổi lấy sự phong vương cho chính vị.

Qua trung gian của Phúc Khang An, nhà Thanh bằng lòng công nhận Nguyễn Huệ làm An Nam quốc vương và Nguyễn Huệ cử một phái đoàn do cháu gọi bằng chú là Nguyễn Quang Hiến tiến hành những thủ tục để sang Bắc Kinh nhận sắc phong. Trong dịp này, để đánh dấu thắng lợi ngoại giao mà ông cho rằng “*khuất phục mà không cần dụng binh*”, vua Càn Long ban thưởng cho Nguyễn Huệ những món quà đặc biệt. Khi phái đoàn về nước, nhà Thanh liền cử người sang Thăng Long làm lễ phong vương cho Nguyễn Huệ.

Mùa xuân năm Canh Tuất (1790) Nguyễn Huệ đích thân cầm đầu một phái đoàn đông đảo sang dự lễ bát tuần khánh thọ của vua Càn Long. Để đánh dấu một biến cố quan trọng hầu như vô tiền khoáng hậu trong lịch sử bang giao Hoa – Việt, vua Càn Long đã chỉ thị cho quan lại từ Quảng Tây lên đến Bắc Kinh phải tiếp đón phái đoàn vô cùng nồng hậu và thi hành lễ bảo kiến thỉnh an để đón vua Quang Trung. Trong những thư từ qua lại và cung cách đối xử, Nguyễn Huệ không phải chỉ được đón tiếp như một phiên vương mà còn được ưu đãi như một hoàng tử.

Chuyến đi và về của vua Quang Trung sang Bắc Kinh được ghi nhận với tất cả các chi tiết và hầu như là trọng tâm ngoại giao của nhà Thanh trong hai năm 1789-1790. Khâm Định An Nam Kỷ Lược kết thúc bằng lá thư tạ ơn của vua Quang Trung gửi vua Càn Long sau khi ông về đến Nghệ An.

C. KHAI TRIỂN

1. Cuộc chiến Việt – Thanh

Quân Thanh

Về mục tiêu thứ nhất, Khâm Định An Nam Kỷ Lược có thể cho chúng ta biết rõ ràng hơn về diễn tiến chiến dịch Việt – Thanh ở phía đối phương, những chuẩn bị và điều động, khó khăn cũng như trở ngại một cách cụ thể. Những sự kiện đó trước đây hầu như chỉ được đề cập một cách giản lược, không hiếm chi tiết chỉ được dựa theo cảm tính của người Việt Nam mà không bao giờ đi thẳng vào tổ chức chính qui của cơ cấu hành chánh Thanh triều. Điều khẳng định trước tiên về quân Thanh đưa sang nước ta là quân đội tổ chức theo lối chính qui trong đó chủ yếu gồm Lục Doanh (quân người Hán) ở các tỉnh miền Nam và Tây Nam, có sự hiệp lực của nhiều đơn vị thổ binh dọc theo biên giới, đáng kể nhất là quân Điền Châu do Sầm Nghi Đống chỉ huy.

Số lượng quân Thanh vì thế bị giới hạn theo tổ chức và định chế của Trung Hoa thời đó, không tập trung quân quá nhiều ở các tỉnh để đề phòng nổi loạn chống lại triều đình. Các binh sĩ bình thời đóng vai trò cảnh sát tại địa phương, chỉ được đặt dưới quyền điều động của một tiết chế binh mã khi cần thiết. Việc phối hợp hoạt động bao gồm nhiều đơn vị, nhiều địa phương được tính toán rất kỹ lưỡng và nhịp nhàng cả ở các tỉnh lẫn tại trung ương, nơi Quân Cơ Xứ là bộ chỉ huy đầu não. Những tấu triệp của quan lại nhà Thanh giúp chúng ta soi sáng nhiều vấn đề cũng như minh họa lại diễn tiến chiến dịch một cách chi tiết, kể cả những biện pháp hành chánh để giải quyết từng vấn đề.

Một trong những cơ cấu quan trọng nhất là tiếp vận, có thể nói là xương sống của các kế hoạch hành quân. Để bảo đảm việc cung ứng lương thực, vũ khí, súng đạn, quân trang ... cho tiền tuyến, nhà Thanh thiết lập hệ thống đài trạm. Hệ thống đài trạm vốn dĩ thừa kế kinh nghiệm từ các triều đại trước, gần gũi nhất là hai triều Nguyên, Minh được cải tổ dưới đời Thanh nên rất chu đáo. Đài trạm được tính toán để khi quân đội di chuyển đến đâu thì lương thực theo tới đó không bị trở ngại khi tiến quân. Để phục dịch cho công tác này, nhà Thanh điều động một đội ngũ dân phu, số lượng thường thường nhiều gấp bội quân số chiến đấu. Trong chiến dịch Việt – Thanh, số lượng nhân công sử dụng trên dưới mười vạn người, luôn luôn di chuyển, thay đổi nên rất hùng hậu và dễ bị đánh lừa tưởng chừng số quân tham chiến to lớn hơn sự thật. So sánh tổ chức hậu cần của quân Thanh và đường lối tiếp vận của Nguyễn Huệ – theo phương thức của Nam Á, tương tự như lối điều binh của Xiêm La, Miến Điện, Chân Lạp - cũng là một đề tài cần nghiên cứu sâu rộng để đưa ra kết luận về ưu và khuyết điểm của mỗi bên.

Ngoài hệ thống đài trạm, quân Thanh cũng còn một hệ thống dịch trạm để thông tin, liên lạc từ kinh đô xuống tiền tuyến và từ địa phương tới địa phương, đơn vị này sang đơn vị khác. Tìm hiểu dịch trạm không những nghiên cứu về cách phân bố và phương pháp truyền tin mà còn cả về hệ thống ngang và dọc, độ mật của tin tức theo thể lệ qui định trong tấu triệp. Không nắm vững hệ thống dịch trạm, chúng ta cũng không thể ước lượng tin tức được báo cáo như thế nào, tốc độ chuyển tin nhanh chậm ra sao để đánh giá tầm mức quan trọng của từng vấn đề.

Bên cạnh hệ thống chỉ huy quân sự và hành chánh, các thể lệ về lương bổng, trang bị, thăng thưởng, trừng phạt, tử tuất cũng giúp chúng ta những phán đoán chính xác hơn về từng trường hợp cá nhân nhất là khi đề cập đến các tướng lãnh và binh sĩ tử trận. Chúng ta cũng minh hoạ lại phần nào phương thức bố phòng, cách sắp xếp lực lượng của quân Thanh theo những mô hình được áp dụng trong các chiến dịch, kể cả một số công tác kỹ thuật vốn dĩ là căn bản huấn luyện cho tướng lãnh (cách thiết lập cầu phao và bè qua sông, phương pháp thiết kế đồn lũy, súng ống cho từng đơn vị ...) dựa trên kinh nghiệm và khoa học quân sự của Trung Hoa qua các triều đại và trang bị cơ hữu cho địa phương.

Quân Việt

Trận đánh đầu năm Kỷ Dậu (1789) mà sử nước ta chỉ viết lại như một thiên anh hùng ca thiếu nhiều chi tiết cụ thể cũng có thể được bổ túc bằng các tin tức tìm thấy trong Khâm Định An Nam Kỷ Lược. Trước đây, khi miêu tả về tổ chức quân đội của vua Quang Trung khi ra Bắc nhiều tác giả đã nhấn mạnh vào hình thức ngũ quân (tả, hữu, tiền, hậu, trung quân) có lẽ bị ảnh hưởng của truyện Tàu và hình thức điều binh của triều Nguyễn. Theo lời khai của quân Thanh khi trao trả tù binh và sắp xếp lại lối tấn công của Nguyễn Huệ, chúng ta thấy cách điều binh của ông gần với lối tấn công dũng mãnh của Nam Á hơn là lối tổ chức quân đội trọng hình thức theo mẫu Trung Hoa. Việc huyền thoại hoá con người Quang Trung phần lớn được tạo ra vì hầu hết chúng ta chỉ quen với nền nếp của sinh hoạt Á Đông mà không quan tâm đến những nét đặc thù của nền văn minh Ấn – Hồi vốn dĩ đã ngự trị ở vùng Nam Á nhiều thế kỷ. So sánh với quân Thanh, hệ thống tổ chức và cơ cấu quân sự của ta chưa tính vi bằng nhưng Nguyễn Huệ đã biến những hạn chế của Việt quân thành một ưu điểm chiến thuật.

Cuộc hành quân của ông được chia thành hai giai đoạn:

- Giai đoạn một là tiến quân trên đất nhà, lãnh thổ còn trong vòng kiểm soát của ông từ Thuận Hoá đến Ninh Bình. Trong một đoạn đường khá xa và hiểm trở, Nguyễn Huệ đã điều quân theo nhiều hướng khác nhau. Ngoài số quân bản bộ do chính ông chỉ huy, ông còn điều động một số cánh quân từ Ai Lao trong đó có tượng binh và hoả hổ. Những cánh quân đó khởi trình ở nhiều địa điểm nhưng cùng tập kết tại Nghệ An để chuẩn bị Bắc phạt.

- Giai đoạn hai là giai đoạn mà hậu nhân vẫn đề cao đặc tính thần tốc là đoạn đường từ Ninh Bình tới Thăng Long. Khu vực này khi đó nằm trong tay đối phương bao gồm các cánh quân cần vương nhà Lê và một số đồn lũy ngoại vi của Tôn Sĩ Nghị. Chính vì muốn bôn tập qua một khu vực không có hậu trạm, Nguyễn Huệ phải tính toán một khoảng thời gian không quá bảy ngày là giới hạn của lương thực (đã nấu chín) mỗi binh sĩ có thể mang theo trên đường tiến quân. Lời tiên tri của ông sẽ ăn Tết tại Thăng Long ngày khai hạ cũng còn là một nhật kỳ bắt buộc.

Ngoài quân bộ và quân thượng chúng ta không thể bỏ qua thuỷ quân của ông trong đó một số lớn gốc hải phủ qui thuận được chỉ định bí mật đi theo đường sông tấn công vào hậu cần của địch, chủ yếu phá huỷ đường tiếp liệu của quân Thanh để họ không thể cầm cự lâu dài một khi bị bao vây.

Chiến sự

Theo lời khai của các binh sĩ chạy thoát và tù binh được trả về, nhà Thanh tổng kết được nhiều chi tiết về các trận đánh mà chúng ta không biết. Một số báo cáo thiếu trung thực cũng bị lộ tẩy vì hệ thống tấu triệp cho phép các quan được trình bày theo hệ thống riêng từ địa phương lên trung ương nên không sự việc nào có thể hoàn toàn che giấu được.

Theo báo cáo, sự kháng cự của quân Thanh cũng mỗi nơi một khác, tùy theo tình hình. Việc một số tướng lãnh bị tử trận là điều triều đình nhà Thanh rất quan tâm, những chi tiết thu thập từ nhiều thành phần khác nhau không phải chỉ để nắm tin tức mà còn để tưởng thưởng cho gia đình cũng như ban cho chức tước, phong hiệu và ấn định tử tuất theo qui chế hành chánh. Chính những chi tiết này cũng giúp chúng ta điều chỉnh lại một số sai lạc mà chúng ta chỉ biết theo lời đồn hay có khi do tưởng tượng.

Việc cầu phao trên sông Nhĩ Hà bị đứt, ban đầu do Tôn Sĩ Nghị báo cáo là do chiến cuộc nhưng về sau theo lời khai của người trong cuộc thì chính ông ta ra lệnh chặt bỏ để ngăn chặn quân Nam đuổi theo. Số lượng quân Thanh chết đuối và chết trận ngay tại Thăng Long vì thế cũng có nhiều điểm đáng đề cập và phần lớn không phải vì qua sông “*ngã xuống nước chết đuối*” nhưng vì bị quân Nam dồn vào đường cùng trong một trận thế “*bối thủy*” (xoay lưng xuống nước) là chiến thuật rất thường thấy trong lối dùng binh của các dân tộc chịu ảnh hưởng văn minh Ấn Độ. Cũng vì quân Thanh trang bị công kênh, giáp trụ nặng nề, lại lót nhiều lớp vải, giấy nên khi ngã xuống nước hay sa vào chỗ bùn lầy đều bị chìm ngấm không thể thoát ra được.

Cánh quân Tây Sơn theo đường sông đánh phá các đài trạm và phục kích chặn đường về của Tôn Sĩ Nghị cũng được ghi nhận là chiến đấu độc lập sử dụng nhiều hoả khí, kể cả các loại hoả cầu, địa lôi, hoả dục ... để đốt phá các kho lương khiến cho quân Thanh càng thêm hoảng hốt không dám rút theo đường cái mà phải len lỏi theo đường rừng. Chúng ta có thể xác định lại vai trò phụ thuộc của Lê Duy Kỳ, vốn dĩ bị Tôn Sĩ

Nghị đồ riệt cho tội làm loạn lòng quân khi bỏ chạy trước nhưng thực tế vai trò của ông trong suốt cuộc chiến này rất khiêm tốn và bị động.

2. Đàm phán hậu chiến

Công lao hoà đàm

Trước đây, theo quan điểm của Việt Nam, người ta thường có khuynh hướng dành trọn công lao đàm phán cho danh sĩ Ngô Thì Nhậm. Xuyên qua những văn thư của nhà Thanh và nhất là tổng hợp các tài liệu đầu tay (primary sources) của Đại Việt mà chúng ta may mắn còn giữ được trong Bang Giao Hảo Thoại, Đại Việt Quốc Thư, Lịch Triều Tật Ký ... và những văn thơ rải rác, chúng ta thấy rằng việc biến chuyển đang từ thù nghịch sang hoà hiếu không phải chỉ là công lao cá nhân mà có rất nhiều đóng góp của đủ mọi thành phần, ở phía ta cũng như phía đối phương.



Phúc Khang An

Trạch Văn Minh (翟文明), *Trung Quốc Toàn Sử*, (中國全史) quyển II

Theo Khâm Định An Nam Ký Lược, các trao đổi và đàm phán giữa hai bên đều do Nguyễn Hữu Trù và Vũ Huy Tấn đảm trách, xem ra hai người này mới thực là những nhân vật chủ chốt trong phái bộ hoà đàm, Ngô Thì Nhậm chỉ thảo một số thư từ lúc ban đầu nhưng sau đó vua Quang Trung đã cử một thành phần khác. Cũng có thể họ Ngô đóng vai trò tham mưu nhưng không đảm nhận công tác trao đổi trực tiếp.

Việc đàm phán cũng xảy ra ngay tại biên giới Việt – Hoa trong một không khí khẩn trương vì thực sự cả hai bên đều muốn sớm có kết quả. Chúng ta cũng phải xem lại quan hệ giữa hai nước dựa trên chính sách ngoại giao của Trung Hoa kéo dài suốt lịch sử trong đó nhiều qui luật còn tồn tại đến tận hôm nay nếu muốn có được cái nhìn chính xác. Chỉ riêng vấn đề này nếu khai thác cho đúng mức cũng đã là một công trình đáng kể.

Tiến trình hoà đàm

Việc giảng hoà cũng qua nhiều giai đoạn khác nhau tùy theo tình hình. Xuyên qua những thảo luận nội bộ ta thấy nhà Thanh đã rút tĩa kinh nghiệm trong các chiến dịch đánh Miến Điện đã khiến cho họ biết ngừng lại đúng mức, kể cả dự định triệt binh bất thành của vua Càn Long, các khó khăn trong việc thiết lập hệ thống hậu cần và thời tiết, khí hậu khắc nghiệt của phương nam khiến cho hai bên nhanh chóng đi tới một sự đồng thuận.



Trang bị của quân Thanh thế kỷ 18

Ian Heath, *Armies of the Nineteenth Century: Asia (China)*

Theo sử nước ta thì lúc đầu có một số vấn đề căng thẳng nhưng theo các tài liệu của Trung Hoa thì Đại Việt chỉ đặt những trở ngại về thời gian và về hình thức mà thôi. Dù muốn dù không, Thanh triều đã nhượng bộ từng bước và luôn luôn đưa ra những giải pháp trước để đánh tan sự nghi ngại của bên ta trong đó có việc trao đổi tù binh và sắp xếp nghi lễ. Điểm đáng ghi nhận là trước đây trong lịch sử bang giao Hoa – Việt, thường thường một quan lại của Trung Hoa sẽ đại diện thiên triều để trao đổi trực tiếp với vua nước ta nhưng lần này lại có một nghi thức trung gian trong đó Phúc Khang An thay mặt vua Càn Long và Nguyễn Quang Hiến là trưởng phái bộ phía vua Quang Trung. Trong khi Thanh triều định dùng việc phong vương như một yêu sách để đòi hỏi nước ta phải thần phục thì ngược lại Đại Việt cũng lại coi đó như một điều kiện tiên khởi mà nhà Thanh phải nhượng bộ trước khi tiến hành những thủ tục ngoại giao khác.

Để mọi việc được suông sẻ cho kịp với thời hạn quá xít sao², nhà Thanh đã phải dễ dãi ít nhiều và chúng ta hiểu được rằng việc vua Quang Trung sang Bắc Kinh chỉ là một

² Việc phong vương gắn liền với việc vua nước Nam sang dự lễ Bát Tuần thượng thọ của vua Càn Long là đề tài mà triều đình Trung Hoa đưa ra làm chủ đề ngâm vịnh trong dịp Tết Nguyên Đán năm Kỷ Dậu (lúc đó vẫn còn là Lê Duy Kỳ và chưa nghe tin thất trận). Do đó, khi đàm phán, Thanh triều cũng coi như một điều kiện bắt buộc để làm đẹp lòng vua Cao Tông.

thỏa hiệp để đổi lấy những ưu đãi ngoại giao của Thanh triều chứ không phải là một hành vi quỵ lụy như người ta lầm tưởng.³

Những nhượng bộ đó đã xóa đi rất nhiều bất đẳng thức mà dân tộc Việt Nam phải chấp nhận trong các thời Lê, Mạc khi giao thiệp với Trung Hoa trong đó có việc cống người vàng để xác định sự thần phục một cách tử nhục. Kết quả đàm phán cũng chứng tỏ được thế mạnh của phía Đại Việt sau chiến thắng và là những yếu tố tích cực nhất để thuyết phục sĩ phu Bắc Hà ủng hộ triều đình Quang Trung, tham gia vào những công tác ngoại giao.

Phái bộ Nguyễn Quang Hiển

Sau khi giảng hoà, việc Trung Hoa bằng lòng cho sứ bộ Nguyễn Quang Hiển lên Bắc Kinh triều kiến vua Càn Long nhận sắc ấn đem về (có quan nhà Thanh đi theo để làm lễ phong vương) cũng là một vinh dự hiếm có. Để đánh tan những nghi ngại, biến trá mà triều đình Quang Trung e sợ rơi vào bẫy của Thanh triều, chính Phúc Khang An đã sắp xếp để Nguyễn Quang Hiển gặp được vua tôi Lê Duy Kỳ, khi đó đã cải theo y phục nhà Thanh và định cư tại Trung Hoa để ông này tận mắt trông thấy và trở về báo cáo lại khẳng định rằng nhà Thanh đã hoàn toàn chấm dứt việc yểm trợ cho một thế lực khác ngoài vua Quang Trung⁴. Những nghi lễ của triều đình nhà Thanh cũng giúp chúng ta thẩm định được kỹ càng hơn vị thế chính trị mới của Đại Việt và là những tiền đề của chuyến viếng thăm lịch sử vào năm sau.

Thanh triều cũng rất hài lòng với phái đoàn Nguyễn Quang Hiển nên đã tiếp đón một cách trọng thể theo nghi thức quốc khách và ghi lại cuộc gặp gỡ giữa phái bộ Đại Việt và vua Càn Long trong một bức đồng bản hoạ nhan đề *Nguyễn Huệ khiển điệt Nguyễn Quang Hiển nhập cận tứ yến chi đồ* (阮惠遣姪阮光顯入覲賜宴之圖).

Một chi tiết nhỏ nhưng cũng giúp chúng ta đính chính lại lịch sử là thân thế Nguyễn Quang Hiển và liên hệ giữa ông này với Nguyễn Huệ như thế nào? Ngoài lời khai trong những thư từ qua lại, để cho thêm chính xác, đích thân Phúc Khang An đã hỏi lại Nguyễn Quang Hiển và còn bảo ông này viết xuống cho mình bạch, sau đó kèm vào mật biểu gửi lên vua Càn Long. Theo lời khai đó, Nguyễn Quang Hiển là con của anh cả Nguyễn Quang Hoa trong bốn anh em trai, kế đó là Nguyễn Quang Nhạc rồi Nguyễn Quang Bình (Nguyễn Huệ) và sau cùng là Nguyễn Quang Thái (Nguyễn Lữ). Thứ bậc và tên gọi của anh em Nguyễn Nhạc-Nguyễn Huệ cho đến nay vẫn còn nhiều khác biệt tùy theo nguồn nhưng Khâm Định An Nam Kỷ Lược có lẽ là chi tiết khả tín nhất.

³ Một trong những đòi hỏi của nhà Thanh là nước ta phải cống hai con voi đã thuần dưỡng nhưng Nguyễn Huệ đã khôn khéo từ chối (chứ không phải là cố tình chơi xỏ Trung Hoa bằng cách cống voi để cho quan quân phải phục dịch như ngoại sứ). Những sứ bộ và phái đoàn Đại Việt qua Trung Hoa trong Khâm Định An Nam Kỷ Lược không thấy lần nào đề cập đến việc mang voi theo. Xem thêm Ngô Cao Lãng, *Lịch Triều Tạp Ký* (Hà Nội: Khoa Học Xã Hội, 1995) tr. 596-603

⁴ Thanh triều cũng có thâm ý để nhà Tây Sơn biết rằng họ vẫn còn cầm trong tay một “lá bài” quan trọng khiến vua Quang Trung không thể thay đổi ý kiến.



An Nam Quốc Vương Chi Ấn

Trích từ tờ biểu của vua Cảnh Thịnh gửi vua Gia Khánh năm 1799
(hiện tàng trữ tại Bắc Kinh)

Cuộc đời lưu lạc

Theo dõi các báo cáo của quan lại Trung Hoa chúng ta cũng có thể miêu tả lại khá chi tiết những gì đã xảy ra cho vua Lê Chiêu Thống và những thần tử chạy theo ông. Để giảm thiểu những cơ hội khiến vua Lê có thể tiếp tục liên lạc với các nhóm cần vương còn ở trong nước, vua Càn Long đã ra lệnh phân tán họ thành nhiều nhóm và an sát tại nhiều nơi, có người vì bệnh binh nên đã bị đẩy đi những nơi xa xôi vùng Y Lê, Tây Vực ...

Sử nước ta xưa nay vẫn coi Lê Duy Kỳ như một mẫu tượng trưng cho loại người “*bán nước, công răn cắn gà nhà*”. Tuy nhiên, công tâm mà nói, theo dõi cuộc đời của ông từ khi thơ ấu đến lúc lên ngôi, xuất thân lẩn tránh trong rừng sâu núi thẳm với vài ba người theo hầu, trở về khi quân Thanh kéo sang cho tới khi chạy được sang Tàu, rồi bị người ngoài ngược đãi đến chết, quả có nhiều điều thương tâm. Mẹ ông, bà thái hậu bị miêu tả theo mẫu người thích tham dự triều chính kiểu “Từ Hi” thực ra không đến nỗi như thế. Hoàng Lê Nhất Thống Chí đã ghi chép rất nhiều điểm sai lạc để biến người đàn bà đáng thương này thành danh ác cũng cần phải cải chính. Xét theo thời điểm đoàn người lưu vong qua Đẩu Áo đến lúc trở về Thăng Long, hầu hết họ không đóng một vai trò gì cả trong bàn cờ chính trị lúc đó. Đây cũng là một đề tài cần nghiên cứu để tìm lại sự thực cho sử sách.

D. BÁT TUẦN KHÁNH THỌ

Từ trước đến nay, việc vua Quang Trung cầm đầu một phái bộ sang Bắc Kinh vẫn bị sử nước ta phủ nhận, khẳng định đây chỉ là một “*giả vương*” để đánh lừa người Tàu. Chúng ta sẽ có dịp đào sâu hơn vào tiến trình đàm phán và tìm hiểu tiền nhân hậu quả của việc Nguyễn Huệ thay đổi thái độ như thế nào trong quan hệ của ông với vua Càn Long. Nếu nhìn toàn bộ bang giao Thanh – Việt là một chuỗi dài trá ngụy và lừa dối, nhiều mất xích sẽ không sao cởi được và người sau đã phải tìm cách giải thích một

cách gượng gạo, lắm khi huyền hoặc như việc dựng lên là ông bị đầu độc bởi chiếc áo vua Càn Long ban cho.



Vua Cao Tông

(vẽ khoảng 1792 năm ông 82 tuổi)

Hình trích trong

Zhang Hongxing, *The Qianlong Emperor*
Treasures from the Forbidden City

Tuy đưa ra một nghi án là người sang Bắc Kinh chỉ là một ông vua giả, chúng ta cũng chưa hề tìm hiểu xem trong suốt thời gian “ông vua giả” không có mặt tại Phú Xuân, việc triều chính được điều hành như thế nào và có chứng cứ gì “ông vua thật” vẫn hiện diện ở trong nước hay không?⁵

Sử sách triều Nguyễn cũng gán cho Nguyễn Huệ một thái độ cực đoan khác là đầu năm 1792 ông đưa ra yêu sách cầu hôn công chúa nhà Thanh và đòi lại hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây để khởi động một tranh chấp mới. Xét về thực lực và tình hình chính trị của thời điểm khi ông qua đời, nếu có những vọng động như thế, chúng ta có thể đặt câu hỏi liệu thách đố này sáng suốt hay chỉ là một hành động tự sát? Tuy hai vấn đề này đã ra ngoài phạm vi thời gian của Khâm Định An Nam Ký Lược, chúng ta vẫn có

⁵ Một chi tiết đáng chú ý đọc trong tác phẩm *Ấn Chương Việt Nam từ thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX* của Nguyễn Công Việt (Hà Nội: KHXH, 2005) trang 264-5 có đề cập đến một lệnh chỉ đề Quang Trung tam niên ngũ nguyệt thập ngũ nhật (15 tháng 5 năm Quang Trung thứ ba, 1790) trên có hai loại dấu, dấu kiểm và dấu lớn hình vuông gồm 5 chữ Hoàng Thái Tử Chi Bảo (皇太子之寶). Đây là chứng cứ cho ta thấy thời gian này vua Quang Trung không có mặt ở trong nước nên thái tử Nguyễn Quang Toản phải thay thế. Tác giả cũng thêm một nhận xét là Ở đây, ấn Hoàng thái tử chi bảo là ấn của Hoàng thái tử Nguyễn Quang Toản. Như vậy là thời Tây Sơn Quang Toản đã được dùng ấn có chữ “Bảo” (tr. 266). Theo chúng tôi có lẽ ấn này được khắc ngay sau khi Nguyễn Quang Toản được vua Càn Long phong làm thế tử nên là một danh vị chính thức.

thể liên kết những mắt xích vì chỉ cách nhau một năm, Nguyễn Huệ không thể có những đợt biến thiên rõ rệt như thế khi ông còn phải đối phó với nhiều đe dọa cụ thể hơn.

Phải nói rằng triều đại ngắn ngủi của vua Quang Trung đã tạo ra rất nhiều nghi vấn và huyền thoại nhưng cũng như bao nhiêu chi tiết dã sử, bí sử khác, hầu như đa số chỉ là đặt sự hoang đường không đáng tin mặc dù người ta vẫn thích nghe, thích kể.

1. Thắng lợi ngoại giao

Sử nước ta hầu như ít chú trọng đến những thành quả đem lại trong tiến trình bang giao Thanh – Việt. Vốn dĩ chúng ta coi đây như những “*tiểu xảo đối ngoại*” nên sách vở thường nhấn mạnh đến các trá nguy hơn là tương nhượng hay thoả hiệp giữa hai bên.

Trong tương quan giữa nước lớn và nước nhỏ, nhiều vấn đề tưởng như không đáng kể ở phía Trung Hoa thực ra lại rất có ảnh hưởng đến khung cảnh chính trị, kinh tế của Đại Việt. Một trong những thắng lợi quan trọng nhất là nhà Thanh bãi bỏ việc cấm đoán buôn bán qua lại tại các cửa ải dọc theo biên giới. Nước ta, nhất là miền Bắc, trong một thời gian khá dài bị nhiều bất lợi trong việc ngoại thương. Vì vị trí địa lý tương đối khuất nẻo nên trong thời gian Nam Bắc phân tranh, tàu buôn nước ngoài không mấy khi vào Thăng Long buôn bán và thường chỉ ghé lại các cửa biển ở Đàng Trong từ Đà Nẵng đến Hà Tiên nên Nguyễn Huệ nhất định tranh đoạt của Nguyễn Nhạc khu vực từ đèo Hải Vân đến Quảng Nam cũng chính vì lý do kinh tế.

Việc nhà Thanh “*cấm vận*” trong gần 20 năm trước đó đã khiến cho miền Bắc bị cùng kiệt, quay trở về một nền kinh tế nhất đặng tự túc. Lê Quý Đôn đã kinh ngạc về sự trù phú của Đàng Trong khi so sánh với lối sống hạn chế của Đàng Ngoài. Việc giải toả những cấm đoán còn cho phép các thương nhân từ Nam Trung Hoa và một số thương thuyền của Âu Châu có dịp mua bán hàng hoá ở nước ta. Trong vai trò phiên thuộc, Đại Việt cũng trở nên một đầu cầu quan trọng mà người Tây phương muốn đặt chân để tìm trung gian chuyển hàng vào lục địa.

Thông thương qua lại cũng giúp miền Bắc mua được những mặt hàng cần thiết như dược thảo, kim loại, gia súc, sách vở, đồ sứ, vải vóc ... để quân bình lại sự mất thăng bằng kinh tế trong thời chiến.

Ưu đãi quan trọng thứ hai là việc nhà Thanh “*ban*” cho thời lịch. Tuy nước ta trước đây cũng có một số quan coi việc tính lịch nhưng vẫn chưa có đài khâm thiên để đo đạc tinh tượng cho chính xác. Vì thế, triều đình Đại Việt vẫn trông mong vào việc được Trung Hoa ban cho thời lịch, điều chỉnh lại để phổ biến xuống dân chúng dựa vào đó mà cày cấy cho đúng với mùa màng. Theo báo cáo của sứ bộ Trung Hoa, lịch của dân ta sử dụng (mà họ ngầm mua được) là bản in lại theo lịch của thương gia bán lén sang, hình thức xấu và có nhiều chỗ sai lầm. Việc nhà Thanh ban lịch là một thắng lợi lớn giải quyết được một mắt xích đứt trong kinh tế nông nghiệp.

2. Phản ứng của sĩ phu Bắc Hà

Một điểm hết sức nổi bật là chúng ta chưa bao giờ đặt ra về phản ứng của quần chúng đối với chuyến đi của vua Quang Trung như thế nào? Cũng theo Khâm Định An Nam Kỷ Lược, vấn đề tranh cãi, phúng thích, mỉa mai của sĩ phu Bắc Hà không phải chỉ xuất hiện sau này. Rất có thể ngay trong triều đình lúc ban đầu cũng có những người phản đối việc Nguyễn Huệ đích thân sang Bắc Kinh vì bị coi như một hành vi hạ thấp quốc thể. Chính vua Quang Trung đã nhắc đến các chi tiết này trong lá thư sau cùng của ông gửi để tạ ơn vua Càn Long sau khi về nước⁶.

Chắc chắn việc đồn đãi này bao gồm nhiều nghi vấn, nhiều nguồn tin, từ các thần tử nhà Lê đang lưu vong cũng có mà từ các sĩ phu có ác cảm với tân triều cũng có. Chúng ta cũng không thể bỏ qua những vu cáo từ phía triều Nguyễn trước và sau khi lật đổ nhà Tây Sơn, muốn tìm cách hạ thấp Nguyễn Huệ và biến ông thành một kẻ trí trá lật lọng để tạo vị thế mới với nhà Thanh. Những tin tức đó, sau một thời kỳ biến loạn lại càng phong phú khiến cho việc đánh giá càng thêm khó khăn. Gần đây đã có những sử gia đi thêm một bước để cho rằng chính Phạm Công Trĩ (đóng vai giả vương) cũng lại là người “giả” nốt khi nhận ra họ Phạm cũng có mặt trong phái đoàn của vua Quang Trung. Nếu như thế chắc chắn chúng ta sẽ không thể ngừng lại ở đây mà rồi ngay cả Phan Huy Ích, Ngô Văn Sở ... cũng không phải là người thật.

Những đề tài lớn này cần được tìm hiểu tường tận hơn bằng phương pháp nghiên cứu thay vì chỉ dựa theo những cảm tính cá nhân hay tình tự dân tộc cực đoan. Vì tính chất qui mô của các đề tài, chúng tôi sẽ khai triển trong một số nghiên cứu chi tiết.

III. NHẬN ĐỊNH

Một trong những thắc mắc của người viết trong nhiều năm qua là nếu việc phong vương cho vua Quang Trung bị nước ta coi như một trò đùa bỡn và người đứng đầu phái đoàn Đại Việt sang Bắc Kinh chỉ là một ông vua giả thì hà cớ gì những thư từ qua lại, văn thơ của các sứ thần và nhất là những quốc thư lại được cất giữ kỹ lưỡng để lưu truyền đến ngày nay? Chỉ một việc đó cũng khiến cho chúng ta đặt nghi vấn là những người mạo hiểm lưu trữ các tài liệu này hẳn biết rằng đây là những sự kiện quan trọng,

6

...而臣之國人，見臣起身入覲。乃本國前姓李陳黎所未有之事。輒敢妄意猜度。間有浮言。欽惟大皇帝陛下。天地爲心。山海其量。無微不燭。無隱不周。鑒臣之誠。賜臣早得回國。非惟彰大信於天下。兼亦示公照於愚人...

... nhi thần chi quốc nhân, kiến thần khởi thân nhập cận. Nãi bản quốc tiền tính Lý Trần Lê sở vị hữu chi sự. Triếp cảm vọng ý sai độ. Gian hữu phù ngôn. Khâm duy đại hoàng đế bệ hạ. Thiên địa chi tâm. Sơn hải kỳ lượng. Vô vi bất chúc. Vô ẩn bất chu. Giám thần chi thành. Tứ thần tảo đắc hồi quốc. Phi duy chương đại tín ư thiên hạ. Kiêm diệc thị công chiếu ư ngu nhân ...

... Người trong nước thấy thần lên đường vào triều kiến, so với các đời Lý Trần Lê trước kia chưa từng có bao giờ. [Thành ra] mới có ý ước đoán sai lầm, buông những lời không căn cứ. Có biết đâu đại hoàng đế bệ hạ, tấm lòng sánh cùng trời đất, lượng rộng như núi như biển, không điều nhỏ nhặt gì là không soi sáng, không dấu diếm gì là không tỏ tường [cho nên] đã xem xét lòng thành của thần, cho phép sớm trở về nước, không những để làm sáng đức tín lớn với thiên hạ, mà còn chiếu rộng rãi đến các kẻ ngu ...

Khâm Định An Nam Kỷ Lược, quyển XXX, tr. 20-21

không chỉ là một biến cố mang tầm vóc quốc gia mà còn là vinh dự hiếm có của một người trong thân tộc.

Thành phần tham gia cũng không phải chỉ một nhóm nhỏ. Rất đông những danh sĩ đi trong phái bộ ghi chép lại bằng văn chương, thơ phú với những lời lẽ tán dương, hân diện về vai trò của mình. Quan trọng hơn hết, chỉ hơn 10 năm sau chuyến viếng thăm lịch sử khi triều đại Tây Sơn cáo chung và hầu như toàn bộ những người đóng vai trò cốt yếu trong sứ đoàn đều còn sống, chúng ta cũng không nghe nói vua Gia Long truy cứu về việc này để làm bằng chứng ngõ hầu tạo thành tích mà chỉ giải giao một số binh sĩ, tướng lãnh thuỷ quân có gốc gác là cướp biển trao lại cho Thanh triều để lập công. Tuy vậy, việc phong vương của vua Gia Long xem ra cũng không suông sẻ và thủ tục cũng kéo dài khá lâu. Thanh Thực Lục cũng không thấy ghi bản sắc phong vương cho chúa Nguyễn như đã cẩn thận lưu lại hai bản sắc phong cho cha con Nguyễn Huệ. Trong 100 năm thần phục nhà Thanh, chúng ta cũng không nghe nói một phái bộ nào của nhà Nguyễn được Thanh đình tiếp đón long trọng như thời Tây Sơn.

Một chi tiết trong sử nước ta cũng cần đưa ra để tham chiếu. Dưới triều Minh Mạng, vua Thánh Tổ nhà Nguyễn đã đặt ra một đại lễ gọi là “*bảo tât*” (ôm gối) để các sử gia dùng đó gọi cho buổi tiếp đón nồng hậu mà vua Càn Long đón vua Quang Trung. Tuy chỉ là một chi tiết nhỏ nhưng chúng ta không tin rằng có một sự nhầm lẫn mà chính là một sự cố ý hạ thấp với ý định để cho hậu nhân dễ chấp nhận một vua Quang Trung giả, coi kẻ thi hành đại lễ được miêu tả là “*đi bằng đầu gối tiến lên, vua ruỗi chân ra, [kẻ kia] chìa hai tay ôm lấy ngẩng lên khấu đầu một cái*” chỉ là một hình nộm, không phải quốc vương nước ta. Sử triều Nguyễn đã ghi lại gặp gỡ giữa vua Càn Long và vua Quang Trung là lễ “*ôm gối*” rõ ràng có ý định “*lộng chân thành giả*”.

Một ngụ ý khác của vua Minh Mạng có lẽ cũng nhằm hạ nhục kẻ thù khi ông khẳng định là nghi lễ này “*tỏ cho biết là ta coi họ như lũ hoàng tử mua vui ở dưới gối*”⁷ để làm lu mờ một tình cảm rất đặc biệt của vua Cao Tông dành cho Nguyễn Huệ khi ông vua già đáp lại tâm tình coi ông như thầy, như cha. Chính từ thân tình đó nên chỉ một thời gian ngắn sau đã đưa đến việc vua Quang Trung cầu hôn công chúa nhà Thanh.

Đánh giá bộ Khâm Định An Nam Kỷ Lược là một điều không đơn giản. Cuộc chiến Việt – Thanh tự nó đã là một việc bất thường và cũng bất ngờ đến nỗi nhiều nhân vật chính trong chiến dịch này cũng phải sửng sờ. Dù dưới phân tích về chính sách hay chiến lược chúng ta cũng thấy có nhiều điểm hầu như không hợp lý nếu đối chiếu với nhiều chiến dịch khác trong hơn 100 năm đầu đời Thanh.

Ba trọng điểm của bộ sách cũng đánh dấu ba tương quan khác nhau giữa Trung Hoa và Đại Việt. Tuy chúng ta không thể tách rời ba biến cố này với tình hình chung của thời đại nhưng cũng không thể bỏ qua một số nhân vật tiêu biểu và những người chủ chốt này ít nhiều tạo ra khuôn mẫu cho những biến chuyển. Vua Càn Long với cá tính của

⁷ Đại Nam Thực Lục, đệ nhị kỷ, quyển CLIII (bản dịch Viện Sử Học) (Hà Nội: nxb Giáo Dục, 2004) tr. 662

một vị hoàng đế Trung Hoa đã cai trị một đại quốc hơn nửa thế kỷ, luôn luôn coi mình là trung tâm của thiên hạ nên cũng dễ dàng chấp nhận những điều giả dối nếu như những điều đó hợp với ý nguyện của ông. Tôn Sĩ Nghị, một văn quan người Hán mà hoạn lộ hơi chậm trễ lúc nào cũng mong sẽ được dự phần vào cái vinh quang bề ngoài của một xã hội trọng hư hao, lăm lăm lệ của một nền văn hoá phô trương. Phúc Khang An, một đại thần gốc từ thế gia vọng tộc người Mãn Châu, rất biết cách để “*gãi cho đúng chỗ ngứa*” của kim thượng, điển hình cho những người vốn sinh ra đã biết cách làm quan.

Về phía Đại Việt, lẽ dĩ nhiên chúng ta không thể bỏ qua Nguyễn Huệ, một con người có thiên tài quân sự nhưng khi gặp biến cũng biết tòng quyền, tương kế tựu kế để biến một thắng lợi quân sự thành một thắng lợi ngoại giao đánh trúng vào tính tự cao tự đại của vua Càn Long. Tâm lý đó nhiều sử gia đã đề cập và người ta không khỏi mỉm cười khi thấy ông bị phỉnh phờ về một “*chiếc áo vô hình*” mà chỉ những người xứng đáng với chức vụ mới nhìn thấy được.

Một tâm lý xuyên suốt cuộc đời vua Càn Long là ông ghen tị, ngấm ngấm muốn vượt qua người mà ông bị ảnh hưởng nhiều nhất, và cũng kính trọng nhất. Đó là chính ông nội của ông: vua Khang Hy (1662-1722). Tuy ông thoái vị lên làm Thái Thượng Hoàng sau khi trị vì đủ 60 năm để chứng tỏ rằng ông không dám bất kính làm vua lâu hơn vua Khang Hy nhưng hầu như trên bất cứ phương diện nào cũng đều cố gắng để vượt qua “*kỷ lục*” cũ. Ông cai trị một bờ cõi rộng hơn, một dân số đông hơn, thực hiện nhiều chiến công hơn. Ngay cả trong lãnh vực văn học, thi ca, nghệ thuật ... vua Càn Long cũng cố vượt qua những gì vua Khang Hy đạt được⁸.

Trong tinh thần đó, chúng ta thấy phương lược, kỷ lược chính là để ghi thêm một thắng lợi cho mình dù chỉ là những chiến công rỗng tuếch. Ngoài sách vở để tự ca công tụng đức, ông cũng sản xuất một số lượng khá lớn các họa phẩm tuyên truyền mà chúng tôi đã có dịp giới thiệu trong nghiên cứu “*Bình Định An Nam Chiến Đồ*”.

Có lẽ Thanh triều cũng hiểu được sự quá đà và bất bình thường của sự thân thiện này nên sau khi vua Càn Long qua đời, vua Gia Khánh không còn mặn nồng với triều đình Nguyễn Quang Toản như trước. Cũng nên thêm, vua Gia Khánh lên ngôi khá trễ vì vua Càn Long rất thọ - khi nhường ngôi xong lại vẫn đóng vai Thái Thượng Hoàng, quyết định mọi việc lớn nhỏ cho đến khi qua đời - nên không khỏi có tâm lý phản kháng với vua cha. Ngay khi vừa nắm thực quyền, vua Gia Khánh liền thanh trừng Hoà Khôn là sủng thần của vua Càn Long, và xét lại nhiều vấn đề mà ông thấy rằng không

⁸ Theo sử sách, đối chiếu giữa công nghiệp hai người có rất nhiều tương đồng. Vua Khang Hy cho mở các khoa thi Bác Học Hồng Từ thì vua Càn Long cũng làm theo, vua Khang Hy nam tuần 6 lần thì vua Càn Long cũng nam tuần đủ 6 lần, vua Khang Hy tạo ra án Văn Tự Ngục thì vua Càn Long cũng có án Văn Tự Ngục, vua Khang Hy mở tiệc đãi các người già cả thì vua Càn Long cũng mở Thiên Tẩu Yến ... Đặc biệt là sau đó không lâu, vua Minh Mạng của nước ta cũng bắt chước khá nhiều những hành vi của vua nhà Thanh một cách máy móc.

hợp lý. Tôn Sĩ Nghị, Phúc Khang An đều bị thất sủng (sau khi chết) và Đại Việt bị đưa trở về vị trí cũ đời Nguyên Minh.

Thêm vào đó, khi vua Gia Long lên ngôi, nhà Nguyễn tìm đủ mọi cách để bôi đen nhà Tây Sơn, từ việc vu hãm cho Nguyễn Huệ ám trợ cho hải khấu quấy phá miền duyên hải Nam Trung Hoa đến việc có liên quan đến các giáo phái nổi loạn, kể cả tung tin thất thiệt về việc vua Quang Trung giả dẫn phái bộ sang Bắc Kinh để lung lạc Thanh triều.

Tương quan tốt đẹp giữa hai quốc gia chỉ tồn tại một thời gian ngắn ngủi và triều đình Việt Nam kể từ 1802 trở về sau không bao giờ còn được như trước đó. Chính Thanh triều cũng không muốn công bố rộng rãi chính sách đặc biệt này nên bên ngoài hầu như không ai biết đến và sử sách chỉ ghi lại một vài dòng ngắn ngủi như một chi tiết ít nổi bật.

Những trọng điểm mang tính chiến lược đó cũng hoàn toàn bị chìm lấp trong Việt sử, nếu có được nhắc đến thì lại bị bóp méo đầy ác ý hay chỉ được đề cập một cách rất sơ sài, phúng thích. Việc tháo gỡ những định kiến và mặc cảm đời Tây Sơn không những giúp chúng ta giải thích lại một số biến chuyển mà còn làm cho giòng lịch sử dân tộc được liên tục và nhất quán hơn.

Tháng 5-2007

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bartlett, Beatrice S. *Monarchs and Ministers – The Grand Council in Mid-Ch'ing China, 1723-1820*. Berkeley: University of California Press, 1991.
2. Dutton, George. *The Tây Sơn Uprising – Society and Rebellion in Eighteenth-Century Vietnam*. Honolulu: University of Hawai'i Press, 2006.
3. Forest, Alain. *Les Missionnaires Francais au Tonkin et au Siam XVII^e-XVIII^e Siècles*. Livre II: *Histoires Du Tonkin*. Paris: L'Harmattan, 1998.
4. Heath, Ian. *Armies of the Nineteenth Century: Asia* (V. 4 – Burma and Indo-China). Great Britain: Foundry Books, 2003.
5. Heath, Ian. *Armies of the Nineteenth Century: Asia* (Vol 2: China). Great Britain: Foundry Book, 1998.
6. Hunt, Lynn, ed. *The New Cultural History*. Berkeley: University of California Press, 1989.
7. Ngô Cao Lãng. *Lịch Triều Tạp Ký*. Hà Nội: Khoa Học Xã Hội, 1995
8. Nguyễn Công Việt. *Ấn Chương Việt Nam từ thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX*. Hà Nội: Khoa Học Xã Hội, 2005.
9. Phương Lược Quán (方略館) . *Khâm Định An Nam Ký Lược* (欽定安南紀略). Hồ Nam: Hải Nam, 2000. (chụp lại nguyên bản từ Ngự Thư Phòng vua Gia Khánh, hiện tàng trữ tại Cố Cung Bác Vật Viện Bắc Kinh)
10. Quốc Lập Cố Cung Bác Vật Viện (國立故宮博物院). *Cố Cung Đồ Thư Văn Hiến Tuyển Tụy* (故宮圖書文獻選萃) (Select Chinese Rare Books and Historical Documents in the National Palace Museum) Đài Bắc: Quốc Lập Cố Cung Bác Vật Viện, 1971.
11. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam Liệt Truyện* (Ngô Hữu Tạo, Đỗ Mộng Khương dịch). Huế: nxb Thuận Hoá, 1997.
12. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam Nhất Thống Chí* (Phạm Trọng Diễm dịch). Huế: nxb Thuận Hoá, 1997.
13. Quốc Sử Quán Triều Nguyễn. *Đại Nam Thực Lục, Tập Ba* (bản dịch Viện Sử Học). Hà Nội: nxb Giáo Dục, 2004.
14. Quốc Sử Quán Triều Nguyễn. *Đại Nam Thực Lục, Tập Hai* (bản dịch Viện Sử Học). Hà Nội: nxb Giáo Dục, 2004.

15. Quốc Sử Quán Triều Nguyễn. *Đại Nam Thực Lục, Tập Một* (bản dịch Viện Sử Học). Hà Nội: nxb Giáo Dục, 2001.
16. Tần Quốc Kinh (秦國經). *Trung Hoa Minh Thanh Trân Đáng Chỉ Nam* (中華明清珍檔指南) (A Guide to the Ming Qing Archives Treasures of China). Bắc Kinh: Nhân Dân, 1994.
17. Trạch, Văn Minh (翟文明) (chủ biên). *Trung Quốc Toàn Sử* (中國全史) (4 quyển). Bắc Kinh: Quang Minh Nhật Báo xb xã, 2002.
18. Zhang, Hongxing. *The Qianlong Emperor: Treasures From The Forbidden City*. United Kingdom: National Museums of Scotland Publishing Limited, 2002.